

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BÀN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017



QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|-------|
| Thông tin chung về Quỹ | 1 |
| Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ và phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ của Ban Đại diện Quỹ | 2 |
| Báo cáo soát xét | 3 |
| Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ | 5 |
| Báo cáo của Ngân hàng Giám sát | 14 |
| Báo cáo thu nhập giữa niên độ (Mẫu số B 01g – QM) | 15 |
| Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 02g – QM) | 17 |
| Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ (Mẫu số B 03g – QM) | 19 |
| Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 04g – QM) | 20 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 05g – QM) | 22 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 06g – QM) | 24 |

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

THÔNG TIN CHUNG

Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng

11/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014

Ban đại diện Quỹ

Ông Trần Phát Minh
Ông Cung Trần Việt
Ông Huỳnh Richard Lê Minh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower, 9-11 Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ này Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 183/2011/TT-BTC, Thông tư 15/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Trần Phát Minh
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 4 tháng 8 năm 2017. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 15 đến trang 52.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”)

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 183/2011/TT-BTC, Thông tư 15/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.”

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT (“QUỸ” hoặc “VCAMBF”)

1.1 Mục tiêu của Quỹ

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“VCAMBF”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 15,57% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu (bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 15 tháng 5 năm 2014.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BÀN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 78.400.890.400 Đồng Việt Nam, tương ứng với 6.204.504,74 Chứng chỉ Quỹ.

1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.

1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 962 Đồng/Chứng chỉ Quỹ.

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

| | Tại ngày | | |
|-------------------------|---------------|---------------|---------------|
| | 30/06/2017 | 30/06/2016 | 30/06/2015 |
| | % | % | % |
| 1. Danh mục chứng khoán | 78,00 | 65,19 | 52,17 |
| 2. Tài sản khác | 22,00 | 34,81 | 47,83 |
| | <u>100,00</u> | <u>100,00</u> | <u>100,00</u> |

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

| | Tại ngày | | |
|---|----------------|----------------|----------------|
| | 30/06/2017 | 30/06/2016 | 30/06/2015 |
| 1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 78.400.890.400 | 73.133.746.520 | 59.886.869.621 |
| 2. Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành | 6.204.504,74 | 5.931.660,19 | 5.821.030,38 |
| 3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ Quỹ (VND/CCQ) | 12.636,12 | 12.329,39 | 10.288,02 |
| 4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 12.636,12 | 12.329,39 | 10.529,22 |
| 5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 11.482,60 | 10.249,09 | 9.884,78 |
| 6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 2,49% | 19,8% | 1,3% |
| 9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | (47,19%) | (907,0%) | 51,8% |
| 9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 49,68% | 926,8% | (50,4%) |
| 10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND/CCQ) | 700 | 300 | Không có |
| 11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND/CCQ) | 662 | 300 | Không có |
| 12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%) | 2,22% | 2,34% | 2,44% |
| 14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 1,47 | 1,73 | 1,52 |

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%) | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) |
|------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| 1 năm | 2,49% | 2,49% |
| 3 năm | 24,44% | 62,52% |
| Từ khi thành lập | 26,36% | 65,30% |

2.4. Tăng trưởng hàng năm

| Thời kỳ | 30/06/2017 | 30/06/2016 | 30/06/2015 |
|------------------------------------|------------|------------|------------|
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 2,49% | 19,8% | 1,3% |

3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

- Kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm tăng trưởng ổn định, tạo nền tảng cho nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng nửa cuối năm 2017.
- Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm đạt 5,73%, cao hơn so với cùng kỳ 2016 là 5,65%. Trong đó, nhóm ngành nông nghiệp, dịch vụ phục hồi mạnh với tín hiệu tích cực nhất đến từ ngành thủy sản tăng 5,08% so với 6 tháng năm 2016. Tuy nhiên, mục tiêu tăng trưởng 6,7% cuối năm được cho là khá thách thức.
- CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2017 tăng 4,15% so với cùng kỳ chủ yếu do điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giá học phí và sự tăng trở lại của một số nguyên liệu chính.
- Tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm 2017 đạt 7,54% cao hơn nhiều so với mức 6,82% của cùng kỳ 2016. Tốc độ tăng trưởng tín dụng của Việt Nam thuộc nhóm cao nhất khu vực, tuy nhiên, chưa thực sự thúc đẩy kinh tế vì dòng vốn vẫn chưa được tiếp cận dễ dàng bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Dự báo 6 tháng cuối năm 2017 tín dụng tiếp tục duy trì đà tăng để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7%.
- Trái với tốc độ tăng trưởng tín dụng, tăng trưởng huy động chỉ đạt 5,89% sau 6 tháng đầu 2017 trong khi cùng kỳ tăng 8,23%. Xu hướng này cùng với lộ trình tăng lãi suất lần 4 của FED kể từ cuối năm 2016, dự báo lãi suất sẽ chịu nhiều sức ép hơn so với nửa đầu năm nhưng nhìn chung mặt bằng lãi suất vẫn giữ được mức ổn định.
- Cán cân thương mại không duy trì được kết quả thặng dư khả quan đã đạt được của cuối năm 2016. Sau khi ghi nhận 1,15 tỷ USD duy nhất trong tháng 1, các tháng sau đó cán cân thương mại liên tục thâm hụt và lũy kế -2,7 tỷ USD cuối tháng 6.
- Giải ngân vốn đầu tư công chậm, chỉ đạt 30% so với kế hoạch Thủ tướng đề ra và gần 26% dự toán Quốc hội đề ra trong nửa đầu năm.
- Sau khi có dấu hiệu chững lại vào đầu năm, dòng vốn FDI đã cải thiện tích cực trong Quý II với vốn giải ngân đạt 4,1 tỷ USD, tăng 9,3%; vốn đăng ký tăng vọt lên 8,92 tỷ USD trong khi Quý I chỉ có 2,91 tỷ USD. Đây cũng là mức FDI đăng ký cao nhất của Quý II kể từ năm 2015. Vốn đăng ký mới tập trung cho các lĩnh vực nhiệt điện, công nghiệp chế biến, chế tạo và khai khoáng. Tính chung 6 tháng FDI đăng ký đạt 7,7 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2016.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

- Tỷ giá diễn biến ổn định trong Quý II bất chấp những rung lắc mạnh trên thị trường thế giới. Tính đến cuối tháng 6, tỷ giá trung tâm tăng hơn 1% so với đầu năm 2017. Dự báo áp lực tỷ giá cuối năm sẽ tăng nhẹ do chịu áp lực chính từ tình hình nhập siêu, cung ngoại tệ kém thuận lợi hơn so với năm trước, nguồn vốn ODA bị hạn chế từ tháng 07 năm 2017 và động thái tăng lãi suất của FED.
- Bên cạnh các yếu tố vĩ mô tích cực, nhiều yếu tố thuận lợi đã hỗ trợ đà tăng bền vững cho thị trường trong suốt 6 tháng đầu năm 2017, điển hình là Thông tư hướng dẫn xử lý nợ xấu, dự thảo sửa đổi Nghị định 59/2011 về cổ phần hoá & dự thảo sửa đổi Nghị định 91/2015 về thoái vốn của Nhà Nước. Chỉ số VNIndex thiết lập mặt bằng giá mới tại 776,47 điểm, HNXIndex đạt 99,14 điểm sau nửa đầu năm 2017; tăng tương ứng 16,79% và 23,74% - ghi nhận mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Đáng chú ý, giá trị giao dịch bình quân trong kỳ tăng mạnh và giá trị giao dịch Quý II xác lập kỷ lục mới - xấp xỉ 4.000 tỷ Đồng/phiên. Bên cạnh dòng vốn nội được duy trì ổn định, dòng vốn ngoại tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, mua ròng hơn 9.000 tỷ Đồng trên hai sàn với sự tập trung cho nhóm cổ phiếu có mức vốn hoá lớn. Tuy nhiên, thị trường đã bỏ lỡ cơ hội thu hút thêm dòng vốn ngoại rất lớn từ việc MSCI đã không nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như không đưa vào danh sách tiềm năng xem xét. Những nút thắt về pháp lý & công tác quản trị theo chuẩn mực quốc tế của doanh nghiệp là rào cản lớn nhất cho vấn đề này.

4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
|---|---------------------------------------|---|--|
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 49,68% | 661,63% | 661,63% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | (47,19%) | (637,19%) | (637,19%) |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 2,49% | 24,44% | 24,44% |
| Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ | 2,49% | 62,52% | 62,52% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

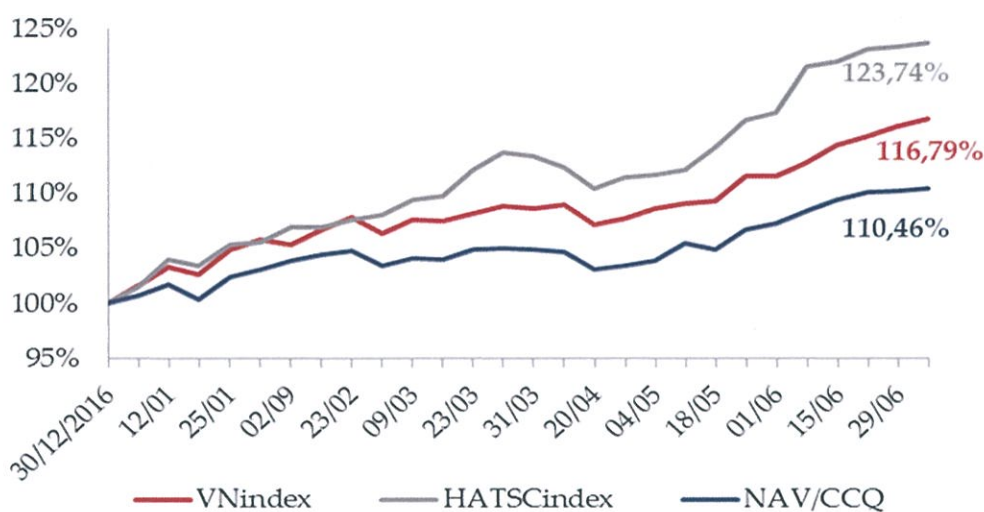
QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Diễn biến NAV/CCQ của Quỹ trong 6 tháng đầu năm 2017:



Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ trong 6 tháng đầu năm 2017:

| Chỉ tiêu | 30/06/2017 | 31/12/2016 | Tỷ lệ thay đổi |
|--|----------------|----------------|----------------|
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 78.400.890.400 | 67.839.106.565 | 15,57% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 12.636,12 | 11.439,87 | 10,46% |

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ tăng thấp hơn so với giá trị tài sản ròng do số lượng Chứng chỉ Quỹ tăng mạnh.

4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|----------------|
| Dưới 5.000 | 91 | 48.838,41 | 0,79% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 12 | 110.787,07 | 1,78% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 2 | 66.547,14 | 1,07% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 4 | 932.358,66 | 15,03% |
| Trên 500.000 | 1 | 5.045.973,46 | 81,33% |
| Tổng cộng | 110 | 6.204.504,74 | 100,00% |

4.3. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm và giảm giá.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chỉ số giảm mạnh trong hai tuần giao dịch đầu tiên của Quý II, mặc dù tâm lý đón đầu kết quả kinh doanh quý II được dự đoán khá khả quan. Bên cạnh đó, động thái điều chỉnh giảm lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước được đánh giá không ảnh hưởng nhiều đến tình hình kinh doanh của phần lớn các doanh nghiệp cũng như không là bộ đỡ hỗ trợ thị trường trong ngắn hạn, chính sách điều hành trên cần có thời gian thẩm thấu. Tuy nhiên, diễn biến thị trường cho thấy dòng tiền chưa hoàn toàn rút khỏi thị trường mà đang chờ đợi cơ hội mới ở mặt bằng giá hấp dẫn hơn sau quá trình tăng mạnh 6 tháng đầu năm.

Triển vọng thị trường trong nửa cuối năm 2017 được kỳ vọng tiếp tục xu hướng tăng; việc xác lập các mức tăng cao hơn được dự đoán diễn ra vào tầm trung Quý III và đi kèm theo đó, rủi ro sẽ gia tăng vào cuối năm. Các yếu tố hỗ trợ trong 6 tháng đầu năm cùng với sự kiện chứng khoán phái sinh được đi vào vận hành được kỳ vọng sẽ phát huy tác dụng. Với P/E ở mức 16,5 lần là định giá khá hợp lý đối với thị trường cận biên như Việt Nam hiện nay.

6 THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nhân sự điều hành Quỹ

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|--------------------|---|--|---|
| Ông Phạm Xuân Đồng | Giám đốc Quỹ VCAMBF | <ul style="list-style-type: none">Cử nhân chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng tại trường Đại học LSECao học Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Northumbria. | Trước khi gia nhập VCAM, ông Đồng trải qua các vị trí chuyên viên phân tích cấp cao tại phòng Nghiên cứu và Phân tích chứng khoán thuộc công ty chứng khoán ACB, và sau đó là vị trí Phó trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu và tư vấn đầu tư cho khách hàng của Công ty chứng khoán. Các ngành mà ông nghiên cứu chuyên sâu bao gồm Bảo hiểm, Dược phẩm và Thực phẩm và Đồ uống tại Việt Nam. |
| Bà Trần Đỗ Quyên | Nhân viên điều hành quỹ kiêm Kế toán Quỹ VCAMBF | <ul style="list-style-type: none">Cử nhân ngành Ngân hàng và Tài chính tại trường Đại học Singapore Institute of Management | Gia nhập VCAM từ năm 2011, bà Đỗ Quyên có kinh nghiệm trong thị trường tài chính và quản trị quỹ đầu tư chứng khoán. Bà đã có kinh nghiệm quản trị các quỹ đầu tư thành viên và quỹ mở của VCAM, bao gồm VCF, VCHF và VCAMBF. |

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6.2 Ban Đại diện Quỹ

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|---------------------------|-----------------------------|---|--|
| Ông Trần Phát Minh | Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ | - Cử nhân ngành Tài chính kế toán doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Kiên Long. |
| Ông Cung Trần Việt | Thành viên Ban Đại diện Quỹ | - Thạc sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại Học Sydney - Cử Nhân Khoa Học về Kỹ thuật Chế Biến Thực Phẩm của Viện Công Nghệ Odessa (Liên Xô cũ) | Ông Cung Trần Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1988. |
| Ông Huỳnh Richard Lê Minh | Thành viên Ban Đại diện Quỹ | - Cử nhân Thương mại của Curtin University of Western Australia - Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia) | Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam. Hiện tại, ông là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt. |

6.3 Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|------------------------|----------------------------|---|---|
| Bà Nguyễn Thanh Phượng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | - Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) - Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ. | Bà Nguyễn Thanh Phượng là thành viên sáng lập của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt (VCAM) và Công ty Chứng khoán Bản Việt (VCSC). Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Bản Việt – Viet Capital Bank (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), bà Phượng được bầu chọn vào vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị của ngân hàng này từ tháng 2/2012 đến tháng 4/2013 và là thành viên Hội đồng Quản trị từ tháng 4/2013 đến nay. Bà Phượng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những Nhà Đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập Viet Capital, bà giữ vai trò Giám đốc đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán London. |

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6.3 Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|--------------------|---|---|--|
| Ông Phạm Gia Tuấn | Thành viên Hội đồng quản trị | <ul style="list-style-type: none">Cử nhân chuyên ngành kế toán tại đại học Sydney University of Technology (Australia)Thành viên hiệp hội kế toán viên công chứng Úc (CPA Australia) | <p>Ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Trước khi gia nhập VCAM, ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.</p> <p>Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Vietnam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Việt Nam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.</p> |
| Ông Cung Trần Việt | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | <ul style="list-style-type: none">Thạc sỹ quản trị kinh doanh của trường Đại Học SydneyCử Nhân Khoa Học về Kỹ thuật Chế Biến Thực Phẩm của Viện Công Nghệ Odessa (Liên Xô cũ) | <p>Ông Cung Trần Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM khi trung tâm mới được thành lập năm 1988.</p> |

Tp.HCM, ngày 4 tháng 8 năm 2017



Cung Trần Việt

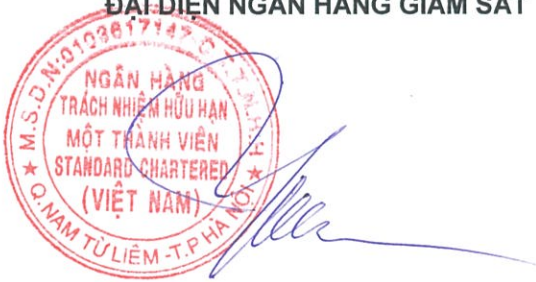
BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Tại ngày 09 tháng 01 năm 2017, Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt đã chi trả tạm ứng lợi tức cho năm tài chính 2016 theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-ĐHNDT-VCAMBF ngày 28 tháng 12 năm 2016. Tại ngày 27 tháng 03 năm 2017, Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt ban hành Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHNDT-VCAMBF thông qua kế hoạch phân phối lợi tức năm tài chính 2016.

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2017

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng bộ phận nghiệp vụ chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám Sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000
Fax : (84 4) 3837 8356
Swift: SCBLVNVX

Here for good 

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BÀN VIỆT

Mẫu số B 01g – QM

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

| Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|-----------|--|--|-----------------------|
| | | 2017 VND | 2016 VND |
| 01 | I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | 8.301.766.819 | 10.025.783.553 |
| 02 | 1.1. Cổ tức được chia | 5.1 1.101.367.200 | 837.995.000 |
| 03 | 1.2. Tiền lãi được nhận | 5.2 341.355.169 | 434.305.453 |
| 04 | 1.3. Lãi bán các khoản đầu tư | 5.3 2.442.848.196 | 1.536.841.957 |
| 05 | 1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5.4 4.415.758.754 | 7.216.641.143 |
| 06 | 1.5. Thu nhập khác | 437.500 | - |
| 10 | II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ | 159.691.812 | 173.591.592 |
| 11 | 2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư | 5.5 159.691.812 | 173.591.592 |
| 13 | 2.2. Chi phí lãi vay | 5.6 - | - |
| 20 | III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ | 819.016.172 | 778.622.538 |
| 20.1 | 3.1. Phí quản lý Quỹ | 8.1 329.666.212 | 298.076.767 |
| 20.2 | 3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ | 128.412.932 | 114.191.306 |
| 20.3 | 3.3. Phí dịch vụ giám sát Quỹ | 117.390.000 | 117.390.000 |
| 20.4 | 3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ | 67.080.000 | 67.080.000 |
| 20.5 | 3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 66.000.000 | 67.100.000 |
| 20.8 | 3.6. Chi phí kiểm toán | 63.263.691 | 65.190.523 |
| 20.10 | 3.7. Chi phí hoạt động khác | 5.7 47.203.337 | 49.593.942 |
| 23 | IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | 7.323.058.835 | 9.073.569.423 |

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Mẫu số B 01g – QM

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

| Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|-------|---------------------------------------|--|----------------------|
| | | 2017 VND | 2016 VND |
| 24 | V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC | - | - |
| 30 | VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | <u>7.323.058.835</u> | <u>9.073.569.423</u> |
| 31 | 6.1. Lợi nhuận đã thực hiện | 6.9 2.907.300.081 | 1.856.928.280 |
| 32 | 6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 6.9 4.415.758.754 | 7.216.641.143 |
| 40 | VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN | - | - |
| 41 | VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | <u>7.323.058.835</u> | <u>9.073.569.423</u> |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Trần Đỗ Quyên
Người lập
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 4 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BÀN VIỆT

Mẫu số B 02g – QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

| Mã số | Thuyết minh | Tại ngày | | |
|------------|--|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 30/06/2017 VND | 31/12/2016 VND | |
| 100 | I. TÀI SẢN | | | |
| 110 | 1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền | 6.1 | 9.287.972.756 | 21.905.180.236 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| 111 | 1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ | | 7.287.972.756 | 11.980.295.406 |
| 112 | 1.2. Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng | | 2.000.000.000 | 9.924.884.830 |
| 120 | 2. Các khoản đầu tư thuần | 6.2 | 67.403.404.500 | 48.657.431.650 |
| 121 | 2.1. Các khoản đầu tư | | 67.403.404.500 | 48.657.431.650 |
| 130 | 3. Các khoản phải thu | | 2.027.872.816 | 2.904.381.305 |
| 131 | 3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư | | 1.709.092.510 | 2.806.636.221 |
| 133 | 3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 6.3 | 318.780.306 | 97.745.084 |
| 136 | 3.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | | 318.780.306 | 97.745.084 |
| 100 | TỔNG TÀI SẢN | | 78.719.250.072 | 73.466.993.191 |
| 300 | II. NỢ PHẢI TRẢ | | | |
| 312 | 1. Phải trả về mua các khoản đầu tư | 6.4 | 95.142.500 | 1.267.398.250 |
| 313 | 2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ | | - | - |
| 314 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | 600.000 | 600.000 |
| 315 | 4. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư | 6.5 | - | 4.151.042.133 |
| 316 | 5. Chi phí phải trả | 6.6 | 81.161.649 | 71.200.000 |
| 319 | 6. Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ | 6.7 | 141.455.523 | 137.646.243 |
| 300 | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 318.359.672 | 5.627.886.626 |
| 400 | III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ | 6.8 | 78.400.890.400 | 67.839.106.565 |
| 411 | 1. Vốn góp của Nhà đầu tư | | 62.045.047.452 | 59.300.601.952 |
| 412 | 1.1. Vốn góp phát hành | | 63.342.404.152 | 60.597.958.652 |
| 413 | 1.2. Vốn góp mua lại | | (1.297.356.700) | (1.297.356.700) |
| 414 | 2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư | | 661.737.543 | 167.458.043 |
| 420 | 3. Lợi nhuận chưa phân phối | 6.9 | 15.694.105.405 | 8.371.046.570 |

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

| Mã số | Thuyết minh | Tại ngày | |
|-------|--|-------------------|-------------------|
| | | 30/06/2017 VND | 31/12/2016 VND |
| 430 | IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ | 12.636,12 | 11.439,87 |
| 440 | V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ | | |
| 441 | Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ | - | 4.151.042.133 |
| 442 | Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ đến kỳ lập báo cáo này | 5.933.393.499 | 5.933.393.499 |

CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

| | | | |
|----|--------------------------------------|--------------|--------------|
| 1. | Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành | 6.204.504,74 | 5.930.060,19 |
|----|--------------------------------------|--------------|--------------|



 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Chứng khoán Bản Việt
 Trần Đỗ Quyên
 Người lập
 Ngày 4 tháng 8 năm 2017



 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Chứng khoán Bản Việt
 Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng
 Ngày 4 tháng 8 năm 2017



 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Chứng khoán Bản Việt
 Cung Trần Việt
 Tổng Giám đốc
 Ngày 4 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Mẫu số B 03g – QM

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

| STT | Nội dung | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|-------|--|--|----------------|
| | | 2017 VND | 2016 VND |
| I | Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu kỳ | 67.839.106.565 | 64.167.662.674 |
| II | Thay đổi NAV so với kỳ trước | 7.323.058.835 | 9.073.569.423 |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| II.1 | Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ | 7.323.058.835 | 9.073.569.423 |
| II.2 | Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư trong kỳ | - | - |
| III | Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ | 3.238.725.000 | (107.485.577) |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| III.1 | Thay đổi NAV do phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ | 3.238.725.000 | - |
| III.2 | Thay đổi NAV do mua lại Chứng chỉ Quỹ | - | (107.485.577) |
| IV | Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ | 78.400.890.400 | 73.133.746.520 |
| V | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại cuối kỳ | 12.636,12 | 12.329,39 |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Trần Đỗ Quyên
Người lập
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 4 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Mẫu số B 04g – QM

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

| STT | Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị thị trường tại ngày 30/06/2017 VND | Tổng giá trị VND | Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ % |
|-----|--|------------------|--|-----------------------|--|
| I | Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM | | | | |
| 1 | VNM | 41.000 | 157.600 | 6.461.600.000 | 8,21% |
| 2 | VJC | 45.000 | 126.300 | 5.683.500.000 | 7,22% |
| 3 | FPT | 95.240 | 46.850 | 4.461.994.000 | 5,67% |
| 4 | MAS | 44.000 | 95.100 | 4.184.400.000 | 5,32% |
| 5 | ACB | 156.600 | 25.900 | 4.055.940.000 | 5,15% |
| 6 | VSC | 60.000 | 63.200 | 3.792.000.000 | 4,82% |
| 7 | PNJ | 37.000 | 101.800 | 3.766.600.000 | 4,78% |
| 8 | DBC | 125.700 | 28.400 | 3.569.880.000 | 4,54% |
| 9 | NT2 | 120.000 | 28.550 | 3.426.000.000 | 4,35% |
| 10 | DPM | 129.000 | 23.500 | 3.031.500.000 | 3,85% |
| 11 | C32 | 67.200 | 42.400 | 2.849.280.000 | 3,62% |
| 12 | PTB | 24.600 | 111.500 | 2.742.900.000 | 3,48% |
| 13 | ACV | 50.000 | 51.000 | 2.550.000.000 | 3,24% |
| 14 | PGS | 106.000 | 18.000 | 1.908.000.000 | 2,42% |
| 15 | DAG | 133.000 | 13.800 | 1.835.400.000 | 2,33% |
| 16 | HPG | 55.000 | 32.000 | 1.760.000.000 | 2,24% |
| 17 | CSM | 94.710 | 18.550 | 1.756.870.500 | 2,23% |
| 18 | GAS | 28.000 | 58.300 | 1.632.400.000 | 2,07% |
| 19 | VCB | 40.000 | 38.500 | 1.540.000.000 | 1,96% |
| 20 | DAD | 11.300 | 21.800 | 246.340.000 | 0,31% |
| | | 1.463.350 | | 61.254.604.500 | 77,81% |
| II | Các loại chứng khoán khác | | | | |
| 1 | Quyền mua cổ phiếu HPG | 62.000 | 2.400 | 148.800.000 | 0,19% |
| | | | | 148.800.000 | 0,19% |
| III | Các tài sản khác | | | | |
| 1 | Tiền bán chứng khoán chờ thu | | | 1.709.092.510 | 2,17% |
| 2 | Phải thu ròng về thu nhập cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | | | 318.780.306 | 0,40% |
| | | | | 2.027.872.816 | 2,58% |

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Mẫu số B 04g – QM

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017
 (tiếp theo)

| STT | Chỉ tiêu | Tổng giá trị VND | Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ % |
|-----------|--|-----------------------|---------------------------------------|
| IV | Tiền và các khoản tương đương tiền | | |
| 1 | Tiền gửi không kỳ hạn | 7.287.972.756 | 9,26% |
| 2 | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (03) tháng | 2.000.000.000 | 2,54% |
| 3 | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng | 3.000.000.000 | 3,81% |
| 4 | Chứng chỉ tiền gửi | 3.000.000.000 | 3,81% |
| | | 15.287.972.756 | 19,42% |
| V | Tổng giá trị danh mục | 78.719.250.072 | 100,00% |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Chứng khoán Bản Việt
 Trần Đỗ Quyên
 Người lập
 Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Chứng khoán Bản Việt
 Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng
 Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
 Chứng khoán Bản Việt
 Cung Trần Việt
 Tổng Giám đốc
 Ngày 4 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|-------|---|-------------|--|-----------------|
| | | | 2017 VND | 2016 VND |
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế TNDN | | 7.323.058.835 | 9.073.569.423 |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư | | (4.415.758.754) | (7.216.641.143) |
| | Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | | (4.415.758.754) | (7.216.641.143) |
| 05 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động | | 2.907.300.081 | 1.856.928.280 |
| | Tăng các khoản đầu tư | | (14.330.214.096) | (6.425.396.957) |
| 06 | Giảm/(tăng) phải thu bán chứng khoán đầu tư | | 1.097.543.711 | (227.907.625) |
| 07 | Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư | | (221.035.222) | (249.853.641) |
| 10 | (Giảm)/tăng phải trả về mua các khoản đầu tư | | (1.172.255.750) | 213.495.374 |
| 11 | Giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ | | - | (628.779) |
| 13 | Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | - | (125.755) |
| 16 | Tăng/(giảm) các khoản phải trả khác | | 9.961.649 | (44.857.919) |
| 17 | Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ | | 3.809.280 | 5.258.770 |
| 19 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (11.704.890.347) | (4.873.088.252) |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ | | 3.238.725.000 | - |
| 32 | Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ | | - | (107.485.577) |
| 35 | Tiền chi trả cổ tức, tiền lãi cho Nhà đầu tư | | (4.151.042.133) | (16.776.086) |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (912.317.133) | (124.261.663) |
| 40 | III. Giảm tiền thuần trong kỳ | | (12.617.207.480) | (4.997.349.915) |

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Mẫu số B 05g – QM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|-------|--|-------------|---|-----------------|
| | | | 2017 VND | 2016 VND |
| 50 | IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | 6.1 | 21.905.180.236 | 29.352.637.450 |
| 55 | V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | 6.1 | 9.287.972.756 | 24.355.287.535 |
| 60 | VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ | | (12.617.207.480) | (4.997.349.915) |



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Trần Đỗ Quyên
Người lập
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 4 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

1.1 Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ và Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ mở

Quỹ đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"). Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian không xác định. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch thông qua các đại lý phân phối.

Chứng chỉ Quỹ được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014 do UBCKNN cấp. Theo quy định của giấy phép này, Quỹ được phép phát hành tối thiểu 5.000.000 đơn vị Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/đơn vị Quỹ.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") quản lý. Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát của Quỹ.

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ là 54.314.089.552 Đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ tại ngày báo cáo dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư theo Thuyết minh 6.8.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho nhà đầu tư thông qua một danh mục đầu tư cân bằng và đa dạng hóa, bao gồm các loại cổ phiếu và tài sản có thu nhập ổn định trên thị trường Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày thứ Sáu ("ngày định giá"). Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho quỹ mở.

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày làm việc trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT (tiếp theo)

1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày làm việc trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai số thập phân sau dấu phẩy.

Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ là hai (02) lần trong một (01) tháng, vào ngày thứ Sáu đầu tiên và ngày thứ Sáu thứ ba hàng tháng. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày thứ Sáu của tuần kế tiếp.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đơn vị Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 183/2011/TT-BTC, Thông tư 15/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

3 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ, tiền gửi của Quỹ cho mục đích thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua Chứng chỉ Quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại

a) Cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

b) Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch, cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

c) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- (i) Giá trung bình dựa trên các báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá) của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan;
- (ii) Trường hợp giá nêu tại điểm (i) nêu trên không xác định được, các cổ phiếu này được định giá theo một trong các mức giá sau:
 - Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá; hoặc
 - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

d) Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(e) Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(f) Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Các trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận và được quy định chi tiết trong Sổ tay Định giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

(g) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được định giá theo một trong các mức giá sau:

- Giá yết (nếu có) trên hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận và được quy định chi tiết trong Sổ tay Định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

(h) Chứng khoán phái sinh niêm yết

Chứng khoán phái sinh niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (2) tuần trở lên được định giá theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(i) Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.

(j) Quyền mua chứng khoán

Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp được quy định tại Sổ tay định giá) của chứng khoán tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

(k) Tài sản khác

Tài sản khác được định giá theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

| Thời gian quá hạn | Mức trích lập dự phòng |
|--|------------------------|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Trên ba (03) năm | 100% |

4.4 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

4.5 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (năm 2016: 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quý có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

4.7 Vốn góp của nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quý với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ Quý sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quý do các nhà đầu tư góp vốn vào Quý theo phương thức mua Chứng chỉ Quý ở lần phát hành đầu tiên và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quý của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quý. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được phát hành/mua lại với mệnh giá của một Chứng chỉ Quý.

Phân phối thu nhập của Quý

Cổ tức của Quý được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Chi phí

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quý liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quý căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Cổ tức được chia

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|----------------|--|--------------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Cổ tức đã nhận | 876.044.200 | 568.481.000 |
| Dự thu cổ tức | 225.323.000 | 269.514.000 |
| | <u>1.101.367.200</u> | <u>837.995.000</u> |

5.2 Tiền lãi được nhận

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|------------------|--|--------------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Tiền lãi đã nhận | 247.897.863 | 416.438.867 |
| Dự thu tiền lãi | 93.457.306 | 17.866.586 |
| | <u>341.355.169</u> | <u>434.305.453</u> |

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

| | | | | | | |
|------------|--|---|---|--|---|---|
| 5.3 | Lãi bán các khoản đầu tư | Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND | Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND | Lãi đã thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND | Lãi đã thực hiện lũy kế tại ngày 30/06/2017 VND | Lãi đã thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2016 VND |
| | | 48.512.570.600 | 46.069.722.404 | 2.442.848.196 | 16.974.830.528 | 1.536.841.957 |
| 5.4 | Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | Giá trị sổ sách VND | Giá thị trường tại ngày 30/06/2017 VND | Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 30/06/2017 VND | Lỗ chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 31/12/2016 VND | Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
| | Cổ phiếu niêm yết | 59.615.104.828 | 61.254.604.500 | 1.639.499.672 | (2.627.459.082) | 4.266.958.754 |
| | Quyền mua cổ phiếu HPG | - | 148.800.000 | 148.800.000 | - | 148.800.000 |
| | | 59.615.104.828 | 61.403.404.500 | 1.788.299.672 | (2.627.459.082) | 4.415.758.754 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.5 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|--|--|--------------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Chi phí môi giới mua cổ phiếu niêm yết | 86.099.910 | 92.175.246 |
| Chi phí môi giới bán cổ phiếu niêm yết | 72.768.862 | 80.342.411 |
| Phí thanh toán bù trừ tại VSD | 823.040 | 1.073.935 |
| | <u>159.691.812</u> | <u>173.591.592</u> |

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.5 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chi tiết chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong kỳ như sau:

| STT | Các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quý trong kỳ | Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ | Giá trị giao dịch trong kỳ của Quý VND | Tỷ lệ giao dịch của Quý qua từng công ty chứng khoán | | Phí dịch bình quân trên thị trường |
|-----|--|---------------------------------|--|--|--|------------------------------------|
| | | | | Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của Quý VND | Tỷ lệ giao dịch của Quý qua công ty chứng khoán trong kỳ báo cáo VND | |
| 1 | Công ty TNHH Chứng khoán SSI | Không liên quan | 42.752.199.000 | 105.911.960.600 | 40,37% | 0,15%-0,25% |
| 2 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt | Không liên quan | 41.792.197.100 | 105.911.960.600 | 39,46% | 0,15%-0,25% |
| 3 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt | Bên liên quan | 21.367.564.500 | 105.911.960.600 | 20,17% | 0,15%-0,25% |
| | Tổng cộng | | 105.911.960.600 | | 100,00% | |

(*) Giá trị giao dịch này không bao gồm các giao dịch không thông qua các công ty chứng khoán như giao dịch thực hiện quyền, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán không niêm yết.

5.6 Chi phí lãi vay

Trong kỳ, Quý không tham gia bất kỳ hợp đồng vay cũng như hợp đồng bán và mua lại.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 Chi phí hoạt động khác

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|---|--|-------------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Thù lao Ban đại diện Quỹ (Thuyết minh số 8.5) | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Phí ngân hàng | 6.244.429 | 8.621.260 |
| Chi phí hoạt động khác | 4.958.908 | 4.972.682 |
| | 47.203.337 | 49.593.942 |

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối kỳ tại các ngân hàng sau đây:

| | Tại ngày | |
|---|----------------------|-----------------------|
| | 30/06/2017 VND | 31/12/2016 VND |
| 1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ | 7.287.972.756 | 11.980.295.406 |
| Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) | 7.287.972.756 | 11.980.295.406 |
| 2. Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng | 2.000.000.000 | 9.924.884.830 |
| Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) | - | 3.924.884.830 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (Thuyết minh 8(b)) | - | 3.000.000.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | - | 3.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 2.000.000.000 | - |
| | 9.287.972.756 | 21.905.180.236 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.2 Các khoản đầu tư thuần

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.2, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

| | Giá mua VND | Chênh lệch đánh giá lại | | Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND |
|--|-----------------------|-------------------------|------------------------|--|
| | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | |
| Cổ phiếu niêm yết | 59.615.104.828 | 3.385.466.077 | (1.745.966.405) | 61.254.604.500 |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng (*) | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 |
| Chứng chỉ tiền gửi (**) | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 |
| Quyền mua cổ phiếu HPG | - | 148.800.000 | - | 148.800.000 |
| | <u>65.615.104.828</u> | <u>3.534.266.077</u> | <u>(1.745.966.405)</u> | <u>67.403.404.500</u> |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm một hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu từ ngày 20 tháng 3 năm 2017 đến ngày 20 tháng 9 năm 2017 với lãi suất 6,4%/năm.

(**) Chứng chỉ tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 3.000 Chứng chỉ tiền gửi với mệnh giá 1.000.000 Đồng Việt Nam phát hành bởi Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng từ ngày 11 tháng 5 năm 2017 đến ngày 13 tháng 11 năm 2017 với lãi suất 9,0%/năm.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

| | Giá mua VND | Chênh lệch đánh giá lại | | Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường VND |
|---|-----------------------|-------------------------|------------------------|--|
| | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | |
| Cổ phiếu niêm yết | 48.284.890.732 | 342.715.103 | (2.970.174.185) | 45.657.431.650 |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng (***) | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 |
| | <u>51.284.890.732</u> | <u>342.715.103</u> | <u>(2.970.174.185)</u> | <u>48.657.431.650</u> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.2 Các khoản đầu tư thuần (tiếp theo)

(***) Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm một hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu từ ngày 19 tháng 9 năm 2016 đến ngày 20 tháng 3 năm 2017 với lãi suất 6,2%/năm.

6.3 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

| | Tại ngày | |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| | 30/06/2017 VND | 31/12/2016 VND |
| Dự thu cổ tức | 225.323.000 | - |
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 55.207.306 | 97.745.084 |
| Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi | 38.250.000 | - |
| | 318.780.306 | 97.745.084 |

6.4 Phải trả về mua các khoản đầu tư

Phải trả về mua các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau thời gian thanh toán theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD"). Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, thời gian thanh toán là hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2).

6.5 Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư

Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện phần lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư trong năm 2016.

6.6 Chi phí phải trả

| | Tại ngày | |
|---|-------------------|-------------------|
| | 30/06/2017 VND | 31/12/2016 VND |
| Trích trước phí kiểm toán | 60.002.741 | 55.000.000 |
| Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(b)) | 16.200.000 | 16.200.000 |
| Trích trước phí quản lý thường niên | 4.958.908 | - |
| | 81.161.649 | 71.200.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.7 Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ

| | Tại ngày | |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | 30/06/2017 VND | 31/12/2016 VND |
| Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 8(b)) | 57.510.523 | 54.601.243 |
| Phí đại lý chuyển nhượng | 33.000.000 | 33.000.000 |
| Phí giám sát Quỹ | 19.565.000 | 19.565.000 |
| Phí quản trị Quỹ | 11.180.000 | 11.180.000 |
| Phí lưu ký | 10.750.000 | 10.750.000 |
| Phí giao dịch | 9.450.000 | 8.550.000 |
| | 141.455.523 | 137.646.243 |

6.8 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

| | Số dư tại ngày 31/12/2016 VND | Phát sinh trong kỳ VND | Số dư tại ngày 30/06/2017 VND |
|---|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
| Vốn góp phát hành | | | |
| Số lượng | 6.059.795,86 | 274.444,55 | 6.334.240,41 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | 60.597.958.652 | 2.744.445.500 | 63.342.404.152 |
| Thặng dư vốn | 233.380.900 | 494.279.500 | 727.660.400 |
| Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ | 60.831.339.552 | 3.238.725.000 | 64.070.064.552 |
| Vốn góp mua lại | | | |
| Số lượng | (129.735,67) | - | (129.735,67) |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | (1.297.356.700) | - | (1.297.356.700) |
| Thặng dư vốn | (65.922.857) | - | (65.922.857) |
| Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ | (1.363.279.557) | - | (1.363.279.557) |
| Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành | 5.930.060,19 | 274.444,55 | 6.204.504,74 |
| Giá trị vốn góp hiện hành | 59.468.059.995 | 3.238.725.000 | 62.706.784.995 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 8.371.046.570 | | 15.694.105.405 |
| NAV hiện hành | 67.839.106.565 | | 78.400.890.400 |
| NAV hiện hành/1 Chứng chỉ Quỹ | 11.439,87 | | 12.636,12 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.9 Lợi nhuận chưa phân phối

| | Số dư tại ngày 31/12/2016 VND | Phát sinh trong kỳ VND | Chia cổ tức VND | Số dư tại ngày 30/06/2017 VND |
|---|-------------------------------------|--------------------------------|--------------------|-------------------------------------|
| Lợi nhuận đã thực hiện (Lỗ)/lãi chưa thực hiện | 10.998.505.652 (2.627.459.082) | 2.907.300.081 4.415.758.754 | - - | 13.905.805.733 1.788.299.672 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | <u>8.371.046.570</u> | <u>7.323.058.835</u> | <u>-</u> | <u>15.694.105.405</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

| STT | Ngày tính NAV | NAV VND | Số lượng Chứng chỉ Quỹ ("CCQ") | NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(Giảm) NAV/1 CCQ VND |
|-----|---------------|----------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| 1 | 05/01/2017 | 68.316.381.318 | 5.930.060,19 | 11.520,35 | 80,48 |
| 2 | 12/01/2017 | 68.998.854.292 | 5.930.060,19 | 11.635,44 | 115,09 |
| 3 | 19/01/2017 | 68.092.533.485 | 5.930.060,19 | 11.482,60 | (152,84) |
| 4 | 26/01/2017 | 69.480.632.487 | 5.930.060,19 | 11.716,68 | 234,08 |
| 5 | 31/01/2017 | 69.473.445.749 | 5.930.060,19 | 11.715,47 | (1,21) |
| 6 | 02/02/2017 | 69.968.624.232 | 5.930.060,19 | 11.798,97 | 83,50 |
| 7 | 09/02/2017 | 73.699.767.886 | 6.199.914,25 | 11.887,22 | 88,25 |
| 8 | 16/02/2017 | 74.053.198.162 | 6.199.914,25 | 11.944,23 | 57,01 |
| 9 | 23/02/2017 | 74.392.549.087 | 6.202.413,36 | 11.994,13 | 49,90 |
| 10 | 28/02/2017 | 73.725.085.366 | 6.202.413,36 | 11.886,52 | (107,61) |
| 11 | 02/03/2017 | 73.427.410.476 | 6.202.413,36 | 11.838,52 | (48,00) |
| 12 | 09/03/2017 | 73.894.552.457 | 6.202.413,36 | 11.913,84 | 75,32 |
| 13 | 16/03/2017 | 73.771.802.459 | 6.202.413,36 | 11.894,05 | (19,79) |
| 14 | 23/03/2017 | 74.461.690.779 | 6.204.504,74 | 12.001,23 | 107,18 |
| 15 | 30/03/2017 | 74.516.144.989 | 6.204.504,74 | 12.010,01 | 8,78 |
| 16 | 31/03/2017 | 74.446.845.179 | 6.204.504,74 | 11.998,84 | (11,17) |
| 17 | 06/04/2017 | 74.078.790.874 | 6.204.504,74 | 11.939,52 | (59,32) |
| 18 | 13/04/2017 | 74.346.816.605 | 6.204.504,74 | 11.982,72 | 43,20 |
| 19 | 20/04/2017 | 73.187.703.855 | 6.204.504,74 | 11.795,90 | (186,82) |
| 20 | 27/04/2017 | 73.437.548.093 | 6.204.504,74 | 11.836,17 | 40,27 |
| 21 | 30/04/2017 | 73.546.172.751 | 6.204.504,74 | 11.853,67 | 17,50 |
| 22 | 04/05/2017 | 73.768.495.264 | 6.204.504,74 | 11.889,51 | 35,84 |
| 23 | 11/05/2017 | 74.901.852.692 | 6.204.504,74 | 12.072,17 | 182,66 |
| 24 | 18/05/2017 | 74.463.167.314 | 6.204.504,74 | 12.001,47 | (70,70) |
| 25 | 25/05/2017 | 75.765.182.215 | 6.204.504,74 | 12.211,32 | 209,85 |
| 26 | 31/05/2017 | 75.852.034.907 | 6.204.504,74 | 12.225,32 | 14,00 |
| 27 | 01/06/2017 | 76.172.150.573 | 6.204.504,74 | 12.276,91 | 51,59 |
| 28 | 08/06/2017 | 76.946.324.336 | 6.204.504,74 | 12.401,69 | 124,78 |
| 29 | 15/06/2017 | 77.709.754.342 | 6.204.504,74 | 12.524,73 | 123,04 |
| 30 | 22/06/2017 | 78.128.065.281 | 6.204.504,74 | 12.592,15 | 67,42 |
| 31 | 29/06/2017 | 78.236.513.493 | 6.204.504,74 | 12.609,63 | 17,48 |
| 32 | 30/06/2017 | 78.400.890.400 | 6.204.504,74 | 12.636,12 | 26,49 |

Giá trị tài sản ròng bình quân (*) 73.864.405.669

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức cao nhất 234,08

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức thấp nhất (1,21)

(*) Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ được xác định là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tại các ngày định giá (hàng tuần và hàng tháng) chia cho tổng số lần định giá trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV) (tiếp theo)

Số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

| STT | Ngày tính NAV | NAV VND | Số lượng Chứng chỉ Quỹ ("CCQ") | NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(Giảm) NAV/1 CCQ VND |
|-----|---------------|----------------|--------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
| 1 | 03/01/2016 | 64.168.461.376 | 5.941.171,22 | 10.800,64 | 0,13 |
| 2 | 07/01/2016 | 62.997.691.056 | 5.941.171,22 | 10.603,58 | (197,06) |
| 3 | 14/01/2016 | 62.342.978.660 | 5.941.171,22 | 10.493,38 | (110,20) |
| 4 | 21/01/2016 | 60.891.585.880 | 5.941.171,22 | 10.249,09 | (244,29) |
| 5 | 28/01/2016 | 62.587.987.213 | 5.941.171,22 | 10.534,62 | 285,53 |
| 6 | 31/01/2016 | 63.025.986.440 | 5.941.171,22 | 10.608,34 | 73,72 |
| 7 | 04/02/2016 | 63.234.013.104 | 5.941.171,22 | 10.643,36 | 35,02 |
| 8 | 14/02/2016 | 63.572.956.277 | 5.941.171,22 | 10.700,41 | 57,05 |
| 9 | 18/02/2016 | 65.103.197.081 | 5.941.171,22 | 10.957,97 | 257,56 |
| 10 | 25/02/2016 | 65.300.870.387 | 5.941.171,22 | 10.991,25 | 33,28 |
| 11 | 29/02/2016 | 65.746.025.356 | 5.941.171,22 | 11.066,17 | 74,92 |
| 12 | 03/03/2016 | 66.619.073.144 | 5.941.171,22 | 11.213,12 | 146,95 |
| 13 | 10/03/2016 | 67.428.123.211 | 5.941.171,22 | 11.349,30 | 136,18 |
| 14 | 17/03/2016 | 67.827.867.070 | 5.941.171,22 | 11.416,58 | 67,28 |
| 15 | 24/03/2016 | 67.137.984.288 | 5.941.171,22 | 11.300,46 | (116,12) |
| 16 | 31/03/2016 | 66.217.191.423 | 5.941.171,22 | 11.145,48 | (154,98) |
| 17 | 07/04/2016 | 66.783.626.365 | 5.941.171,22 | 11.240,82 | 95,34 |
| 18 | 14/04/2016 | 67.142.069.022 | 5.941.171,22 | 11.301,15 | 60,33 |
| 19 | 21/04/2016 | 66.089.623.638 | 5.931.660,19 | 11.141,84 | (159,31) |
| 20 | 28/04/2016 | 66.300.575.120 | 5.931.660,19 | 11.177,41 | 35,57 |
| 21 | 30/04/2016 | 66.653.461.220 | 5.931.660,19 | 11.236,90 | 59,49 |
| 22 | 05/05/2016 | 67.425.114.495 | 5.931.660,19 | 11.366,99 | 130,09 |
| 23 | 12/05/2016 | 67.706.023.569 | 5.931.660,19 | 11.414,35 | 47,36 |
| 24 | 19/05/2016 | 67.970.626.690 | 5.931.660,19 | 11.458,95 | 44,60 |
| 25 | 26/05/2016 | 67.962.504.255 | 5.931.660,19 | 11.457,59 | (1,36) |
| 26 | 31/05/2016 | 68.460.015.308 | 5.931.660,19 | 11.541,46 | 83,87 |
| 27 | 02/06/2016 | 68.895.659.687 | 5.931.660,19 | 11.614,90 | 73,44 |
| 28 | 09/06/2016 | 69.554.827.337 | 5.931.660,19 | 11.726,03 | 111,13 |
| 29 | 16/06/2016 | 70.381.107.086 | 5.931.660,19 | 11.865,33 | 139,30 |
| 30 | 23/06/2016 | 71.843.785.637 | 5.931.660,19 | 12.111,92 | 246,59 |
| 31 | 30/06/2016 | 73.133.746.520 | 5.931.660,19 | 12.329,39 | 217,47 |

Giá trị tài sản ròng bình quân (**)

66.467.895.417

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ
mức cao nhất

285,53

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ
mức thấp nhất

0,13

(**) Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ được xác định là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tại các ngày định giá (hàng tuần và hàng tháng) chia cho tổng số lần định giá trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

8.1 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng khoán Bản Việt, Công ty Quản lý Quỹ

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|-----------------|--|-------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Phí quản lý Quỹ | 329.666.212 | 298.076.767 |

Phí quản lý Quỹ được tính hàng tuần và hàng tháng dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá. Tỷ lệ phí quản lý Quỹ hàng năm là 0,9% của giá trị tài sản ròng của Quỹ.

8.2 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) ("Standard Chartered"), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

| | | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|------------------|-------|--|-------------|
| | | 2017 VND | 2016 VND |
| Phí lưu ký | (i) | 64.500.000 | 64.500.000 |
| Phí giám sát Quỹ | (ii) | 117.390.000 | 117.390.000 |
| Phí quản trị Quỹ | (ii) | 67.080.000 | 67.080.000 |
| Phí ngân hàng | | 6.244.429 | 8.621.260 |
| Phí giao dịch | (iii) | 61.350.000 | 46.350.000 |

(i) Tỷ lệ phí lưu ký được tính dựa trên quy mô Quỹ như sau:

| Quy mô Quỹ | Phí lưu ký |
|-----------------------------------|---------------|
| Dưới 1.500 tỷ Đồng Việt Nam | 0,06% NAV/năm |
| Từ 1.500 tỷ Đồng Việt Nam trở lên | 0,05% NAV/năm |

Mức phí lưu ký tối thiểu hàng tháng là 10.750.000 Đồng Việt Nam. Phí lưu ký không chịu thuế giá trị gia tăng.

(ii) Các phí này được tính hàng ngày và hàng tháng dựa trên số ngày thực tế trong năm định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá. Tỷ lệ phí giám sát và phí quản trị Quỹ hàng năm lần lượt là 0,035% và 0,02%. Phí giám sát Quỹ và phí quản trị Quỹ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

Mức phí tối thiểu hàng tháng của phí giám sát và phí quản trị Quỹ lần lượt là 19.565.000 Đồng Việt Nam và 11.180.000 Đồng Việt Nam đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

(iii) Phí giao dịch mua, bán chứng khoán là 150.000 Đồng Việt Nam/giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

8.3 *Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Chứng Khoán của Quỹ*

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|--------------|--|-------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Phí môi giới | 32.051.348 | 38.211.652 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Chứng Khoán") là công ty chứng khoán của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.

8.4 *Ngân hàng TMCP Bản Việt, bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ*

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|--------------------------|--|-------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Thu nhập từ lãi tiền gửi | 62.016.666 | 105.539.721 |

8.5 *Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ*

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|------------------------------|--|-------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ | 36.000.000 | 36.000.000 |

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư với các bên liên quan như sau:

| | Tại ngày | |
|--|-------------------|-------------------|
| | 30/06/2017 VND | 31/12/2016 VND |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt | | |
| Tiền gửi ngân hàng có kì hạn không quá ba (03) tháng (Thuyết minh 6.1) | - | 3.000.000.000 |
| Ban Đại diện Quỹ | | |
| Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 6.6) | 16.200.000 | 16.200.000 |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng khoán Bản Việt | | |
| Phí quản lý quỹ phải trả (Thuyết minh 6.7) | 57.510.523 | 54.601.243 |

9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|---|--|-------|
| | 2017 | 2016 |
| I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư | | |
| 1 Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%) | 0,89% | 0,90% |
| 2 Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%) | 0,67% | 0,70% |
| 3 Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%) | 0,36% | 0,40% |
| 4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%) | 0,17% | 0,20% |
| 5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%) | 0,10% | 0,11% |
| 6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%) | 2,22% | 2,34% |
| 7 Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (lần) | 1,47 | 1,73 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỜ (tiếp theo)

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm | |
|--|--|------------------|
| | 2017 | 2016 |
| II Các chỉ tiêu khác | | |
| 1 Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ) | | |
| Tổng giá trị Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu kỳ | 59.300.601.952 | 59.411.712.252 |
| Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ | 5.930.060,19 | 5.941.171,22 |
| 2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ) | | |
| Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ | 274.444,55 | - |
| Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) | 2.744.445.500 | - |
| Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ | - | (9.511,03) |
| Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) | - | (95.110.300) |
| 3 Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ) | | |
| Tổng giá trị Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối kỳ | 62.045.047.452 | 59.316.601.952 |
| Tổng số lượng đơn vị Quỹ đang lưu hành cuối kỳ | 6.204.504,74 | 5.931.660,19 |
| 4 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ | 92,39% | 92,10% |
| 5 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ | 97,91% | 97,86% |
| 6 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ | 0,16% | 0,17% |
| 7 Số nhà đầu tư tham gia vào Quỹ cuối kỳ | 110 | 110 |
| 8 NAV/ đơn vị quỹ cuối kỳ | 12.636,12 | 12.329,39 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng kỳ định giá. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và các khoản phải thu từ bán chứng khoán niêm yết. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Quý có rủi ro thanh khoản cao do phải đáp ứng yêu cầu mua lại Chứng chỉ Quý từ các nhà đầu tư.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tất cả các khoản nợ phải trả của Quý có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Quý không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quý như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì hầu hết các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi đều hưởng lãi suất cố định.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quý quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nếu giá các cổ phiếu niêm yết và quyền mua cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 6.140.340.450 Đồng Việt Nam tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.565.743.165 Đồng Việt Nam).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền;
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;
- Quyền theo hợp đồng để:
 - Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc
 - Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Quỹ;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong Thông tư 210 cũng như trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 183/2011/TT-BTC, Thông tư 15/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Thông tư 183/2011/TT-BTC và Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC, Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt như sau:

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 30/06/2017 VND | 31/12/2016 VND | 30/6/2017 VND | 31/12/2016 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền | 9.287.972.756 | 21.905.180.236 | 9.287.972.756 | 21.905.180.236 |
| Các khoản đầu tư thuần | 67.403.404.500 | 48.657.431.650 | 67.403.404.500 | 48.657.431.650 |
| - Đầu tư vào chứng khoán niêm yết | 61.254.604.500 | 45.657.431.650 | 61.254.604.500 | 45.657.431.650 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| - Chứng chỉ tiền gửi | 3.000.000.000 | - | 3.000.000.000 | - |
| - Quyền mua cổ phiếu HPG | 148.800.000 | - | 148.800.000 | - |
| Tiền bán chứng khoán chờ thu | 1.709.092.510 | 2.806.636.221 | 1.709.092.510 | 2.806.636.221 |
| Phải thu ròng về thu nhập cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 318.780.306 | 97.745.084 | 318.780.306 | 97.745.084 |
| - Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 93.457.306 | 97.745.084 | 93.457.306 | 97.745.084 |
| - Phải thu cổ tức ròng | 225.323.000 | - | 225.323.000 | - |
| Tổng cộng | 78.719.250.072 | 73.466.993.191 | 78.719.250.072 | 73.466.993.191 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả về mua các khoản đầu tư | 95.142.500 | 1.267.398.250 | 95.142.500 | 1.267.398.250 |
| Chi phí phải trả | 81.161.649 | 71.200.000 | 81.161.649 | 71.200.000 |
| Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ | 141.455.523 | 137.646.243 | 141.455.523 | 137.646.243 |
| Tổng cộng | 317.759.672 | 1.476.244.493 | 317.759.672 | 1.476.244.493 |

11 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017

12 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2017.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Trần Đỗ Quyên
Người lập
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng
Ngày 4 tháng 8 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt
Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 4 tháng 8 năm 2017